

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẢNG BOM**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trảng Bom, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đối với
các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND xã Trảng Bom**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRẢNG BOM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định Tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đối với cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 29/TTr-KT ngày 13/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quyết định này thực hiện thẩm quyền được phân cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 8 Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh, cụ thể:

a) Quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc so với tiêu chuẩn, định mức theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Quyết định điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

c) Quyết định việc trang bị hoặc thay thế máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây viết tắt là Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg) đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

d) Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Quyết định này không áp dụng đối với:

a) Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; tổ chức được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; tổ chức được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg;

b) Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng thuộc phạm vi quản lý của xã Trảng Bom. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng thuộc phạm vi quản lý của xã Trảng Bom được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg;

c) Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (nếu có). Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được thực hiện theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã;
2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc so với tiêu chuẩn, định mức theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc so với tiêu chuẩn, định mức theo Quyết định của Thủ tướng Chính Phủ hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Đối với việc bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc so với tiêu chuẩn, định mức theo Quyết định của Thủ tướng Chính Phủ hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao tổ chức lấy ý kiến góp ý của Sở Khoa học và Công nghệ về sự cần thiết đối với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 03/09/2025 của UBND tỉnh.

1. Tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh được quy định tại Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, cụ thể:

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
I	- Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã; - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã; - Các chức danh, chức vụ tương đương.			
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	Bộ	01	10
2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	02	7

3	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính bảng hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	Bộ hoặc chiếc	01	20
4	Máy in	Chiếc	01	13
5	Điện thoại cố định	Chiếc	01	1
6	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	Bộ	01	13
II	- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, ban, cơ quan và tương đương; - Chuyên viên và các chức danh tương đương (bao gồm công chức); - Cá nhân ký hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.			
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	Bộ	01	7
2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	0	7
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính bảng hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	Bộ hoặc chiếc	01	20
4	Điện thoại cố định	Chiếc	01	1

2. Tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc được quy định tại Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, cụ thể:

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Triệu đồng/ chiếc hoặc bộ)
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ/01 phòng làm việc	01	13
2	Máy in	01 chiếc/03 biên chế	01	13
3	Máy scan tài liệu	01 chiếc/15 biên chế	01	22

4	Máy hủy tài liệu	01 chiếc/15 biên chế	01	10
5	Máy photocopy	01 chiếc/15 biên chế	01	110
6	Giá đựng tài liệu	01 chiếc/10 biên chế	01	1,5

Điều 4. Thẩm quyền quyết định điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn trên 15% đến không quá 30% so với mức giá theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn không quá 15% so với mức giá theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo a khoản 4 Điều 4 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định việc trang bị hoặc thay thế máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định việc trang bị và thay thế máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg, gồm:

Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, bao gồm: Thang máy; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin; điều hòa; camera; âm thanh; thiết bị vệ sinh; bàn, ghế hội trường, phòng họp, máy phát điện; máy bơm nước; tivi; màn hình LED; máy chiếu; các máy móc, thiết bị khác.

Việc trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg được quyết định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc thay thế các loại máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg xác định theo chủng loại, số lượng của máy móc, thiết bị được thay thế; mức giá máy móc, thiết bị thay thế được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg nhưng có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình và mức giá cao hơn theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tự xác định trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc; máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước; máy móc, thiết bị trang bị cho phòng tiếp dân, bộ phận một cửa; máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, đơn vị. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng khác (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) được áp dụng đối với máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, đơn vị.

Đối với trường hợp ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hoặc phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo tổ chức lấy ý kiến góp ý của Sở Khoa học và Công nghệ về sự phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học, công nghệ đối với chỉ tiêu về tính năng, dung lượng, cấu hình của máy móc, thiết bị.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch ủy ban nhân dân xã lấy ý kiến góp ý của Sở Khoa học và Công nghệ về sự cần thiết đối với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong việc quyết định bổ sung số lượng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc so với tiêu chuẩn, định mức theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều 3 Quyết định này nhằm đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch ủy ban nhân dân xã lấy ý kiến góp ý của Sở Khoa học và Công nghệ về sự phù hợp tiêu chuẩn kỹ

huật theo quy định pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học, công nghệ đối với chỉ tiêu về tính năng, dung lượng, cấu hình của máy móc, thiết bị đối với trường hợp ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thực hiện nhiệm vụ chuyên đổi số hoặc phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 6 Quyết định này.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 9. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xã, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- Sở Nội vụ (báo cáo);
- TT.ĐU, TT.HĐND xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Chánh, Phó CVP.HĐND&UBND xã;
- Phòng Văn hóa - Xã hội (đăng tin);
- Lưu: VT (KT-Anh).

CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Tiên